

BẢNG CHỮ CÁI TIẾNG VIỆT

A a con gà	Ă ă mặt trăng	Â â con sâu	B b máy bay	C c con cáo	D d cái điều	Đ đ đồng hồ
E e quả me	Ê ê con ếch	G g gấu trúc	H h hoa hồng	I i viên bi	K k con khỉ	L l con lợn
M m con muỗi	N n cây nấm	O o con bò	Ô ô cái ô	Ơ ơ quả bơ	P p đèn pin	Q q quả cam
R r con rùa	S s con sóc	T t con tàu	U u quả đu đủ	Ư ư con cừu	V v con vẹt	X x xe máy xúc
						Y y y tá